TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/DS-PT
Ngày: 10/4/2019

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Các Thẩm phán: Ông Võ T Hiếu;

Bà L Ngọc Tuyền.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2019/TLPT-DS ngày 11/01/2019 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 159/2018/DSST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐ-PT ngày 01/02/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/ Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1978; (vắng mặt)

2/ Anh Phan Minh T, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A L, khu phố B, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1/ Anh Đỗ Quang L, sinh năm 1983 (có mặt);

2/ Chị Đặng Thị Mỹ P, sinh năm 1987 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số D, khu phố D, phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đỗ Quang L: Luật sư Lê Trần Hồng T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Trần Văn T, sinh năm 1967; (vắng mặt)

2/ Chị Lý Thị Kim D, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A Bạch Đằng, khu phố K, phường L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số S Hai Bà Trưng, khu phố A, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Đỗ Quang L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T trình bày:*

Xuất phát từ chỗ quen biết nên anh, chị có cho anh L và chị P vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 30/12/2017 âm lịch vay 980.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, không lãi suất. Cả hai vợ chồng là người trực tiếp nhận tiền ngay tại nhà anh L. Chị P viết giấy nợ có ghi tên chị P và anh L, tiền nhận trước rồi mới ghi biên nhận.

Chị H, anh T yêu cầu anh L, chị P cùng có nghĩa vụ trả số tiền này ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án vì sau này anh L, chị P không còn tài sản nào khác ngoài nhà, đất tại số 40 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã G.

** Bị đơn chị Đặng Thị Mỹ P trình bày:*

Chị có vay của anh T, chị H số tiền 980.000.000 đồng để làm ăn. Chị trực tiếp nhận tiền, sau đó ghi biên nhận ký thay cho anh L để làm tin và anh L hoàn toàn không biết gì về số tiền này. Chị thừa nhận tại phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ trong USB hiệu Kingston ghi âm mà chị H cung cấp cho Tòa án có giọng nói của chị, anh T, anh L nói về số tiền nợ này.

Nay với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh T, chị đồng ý trả, do hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn nên xin được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng.

** Bị đơn anh Đỗ Quang L trình bày:*

Anh không biết gì về số tiền mà chị P vay mượn nên không đồng ý trả. Nội dung bản ghi âm và tờ trình ngày 15/10/2018 của anh T đã thể hiện nợ này là của

chị P bởi anh T có nói "Bây giờ cái phần tiền của vợ anh, lúc trước em cũng biết vợ em thiếu" và anh có trả lời "Khi em phát hiện, em đã nói với chị H đừng cho vợ em mượn nữa….".

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Kim D, anh Trần Văn T trình bày:*

Anh chị không biết việc vay tiền giữa anh T, chị H với anh L, chị P. Anh chị không có ý kiến gì về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và việc chuyển nhượng giữa anh, chị với anh L, chị P để kiện bằng một vụ kiện khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2018/DSST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T.

Buộc chị Đặng Thị Mỹ P, anh Đỗ Quang L cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T số tiền 980.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng chị P, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo thi hành án cho chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T.

2. Về án phí:

- Chị Đặng Thị Mỹ P và anh Đỗ Quang L phải chịu 20.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí cho chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T số tiền 24.300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí chị H, anh T đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 42735 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2018 bị đơn Đỗ Quang L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc chị Đặng Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Hồng H số tiền 980.000.000 đồng. Đồng thời hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T vắng mặt, anh Đỗ Quang L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc anh L cùng có nghĩa vụ với chị Phượng trả số tiền 980.000.000 đồng cho vợ chồng chị H, anh T. Đồng thời yêu cầu hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đỗ Quang L có nhiều lập luận cho rằng không có căn cứ xác định anh L cùng với chị Phượng vay 980.000.000 đồng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H, anh Phan Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T, Lý Thị Kim D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ quy định của khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh L kháng cáo không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm buộc anh L cùng với chị P có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh T, chị H vì anh L không có vay tiền của chị H, anh T mà chỉ có một mình chị P vay tiền của chị H, anh T, bản thân anh L không biết gì về số tiền 980.000.000 đồng mà chị P vay của anh T, chị H. Việc chị P vay tiền chi tiêu vào việc riêng của chị P, không phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình nên anh L không đồng ý trả nợ cùng với chị P.

Tuy nhiên, theo nội dung đoạn ghi âm do anh T, chị H cung cấp anh L có nói "Giờ tiền này chưa trả xong, lấy tiền gì trả nổi, anh biết giờ em không làm gì ra tiền đâu, em có lên nói chị H đừng cho nó mượn nữa, vài bữa em cầm 600.000.000 đồng lên đưa cho chị H để đổi 300.000.000 đồng mẹ em trúng 3 tờ được hai trăm chín mấy triệu đưa em, hứa thì hứa vì giờ không tiền trả anh, anh em gặp mặt buồn vui, bây giờ em không có khả năng trả tiền cho anh chị, đợi xong tiền kia em sẽ trả từ từ, trả chút đỉnh". Qua nội dung đoạn ghi âm đã thể hiện anh L có trách nhiệm cùng chị P trả chị H, anh T số tiền 980.000.000 đồng là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này". Tại Điều 30 quy định "Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên". Như vậy án sơ thẩm buộc anh L cùng có nghĩa vụ với chị P trả cho anh T, chị H số tiền 980.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc các bị đơn chị P, anh L xin trả dần không được chị H và anh T chấp nhận nên cần buộc vợ chồng chị P, anh L trả cho vợ chồng chị H, anh T số tiền 980.000.000 đồng (chín trăm tám mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu xin hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang là không phù hợp vì anh L, chị Phượng hiện nay không còn tài sản khác có giá trị để đảm bảo thi hành án ngoài nhà, đất tọa lạc tại số A Hai Bà Trưng, khu phố B, phường C, thị xã Go, tỉnh Tiền Giang.

Anh L kháng cáo nhưng không có căn cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh L.

Về án phí phúc thẩm: Anh L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Quang L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 159/2018/DSST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T.

Buộc chị Đặng Thị Mỹ P, anh Đỗ Quang L cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T số tiền 980.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng chị P, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo thi hành án cho chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T.

2. Về án phí:

- Chị Đặng Thị Mỹ P và anh Đỗ Quang L phải chịu 20.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh L đã nộp theo biên lai thu số 42775 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G nên chị P, anh T phải nộp tiếp số tiền 20.700.000đồng.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Hồng H và anh Phan Minh T số tiền tạm ứng án phí là 24.300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 42735 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CC THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan